

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế, năm học 2020-2021

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	1645	364	320	402	311	248
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	1645	364	320	402	311	248
III	Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất						
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)		99,2%	100%	99,7%	99,4%	98,5%
2	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)		0	0	0,3%	0,6%	1,5%
3	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)		0,8%				
IV	Số học sinh chia theo kết quả học tập						
1	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)		99,1%	94,1%	93,3%	91,8%	92,9%
2	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)		0,1%	5,9%	6,7%	8,2%	7,1%
3	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)		0,8%				
V	Tổng hợp kết quả cuối năm						
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)		99,2%	100%	100%	100%	100%
a	Trong đó: HS được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)		99,2%	100%	100%	100%	100%
b	HS được cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)		0	4,3%	2%	1%	7,3%
2	Ở lại lớp (tỷ lệ so với tổng số)		0,8%	0	0	0	0

TP. Nam Định, ngày 30 tháng 5 năm 2021

Thư trưởng đơn vị



HIỆU TRƯỞNG

Dinh Việt Hà

8	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật																			
---	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

TP. Nam Định, ngày 30 tháng 5 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị



HIỆU TRƯỞNG

Đinh Việt Hà

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học, năm học 2021-2022

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	32/32	m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	26	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	6	-
4	Phòng học nhỡ, mượn	0	-
III	Số điểm trường lẻ	0	-
IV	Tổng diện tích đất (m ²)	3600	2,2m ² /học sinh
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	1500	0,91m ² /học sinh
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	2430 m ²	1,4m ² /học sinh
2	Diện tích thư viện (m ²)	22 m ²	
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	200 m ²	
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	0	
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	0	
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	0 m ²	
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)		
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	20 m ²	
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	0	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 1	314	52
1.2	Khối lớp 2	365	52
1.3	Khối lớp 3	7	1

1.4	Khối lớp 4	6	1,2
1.5	Khối lớp 5	6	1,2
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 1		
2.2	Khối lớp 2		
2.3	Khối lớp 3		
2.4	Khối lớp 4		
2.5	Khối lớp 5		
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	25 bộ	0,01 học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	11	0,4
2	Cát xét	0	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	17	0,6

	Nội dung	Số lượng(m ²)
X	Nhà bếp	30 m ²
XI	Nhà ăn	200 m ²

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	24 phòng, 2016 m ²		
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2		2/2		0,08
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*			2/2		0,05

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

TP. Nam Định, ngày 30 tháng 5 năm 2021

Chủ trường đơn vị



HIỆU TRƯỞNG

Dinh Việt Hà

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường tiểu học, năm học 2021-2022

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
		314 HS	365 HS	322 HS	405 HS	314 HS
I	Điều kiện tuyển sinh	<p>1. Tuổi của học sinh tiểu học từ 6 đến 14 tuổi (tính theo năm).</p> <p>2. Tuổi vào học lớp 1 là 6 tuổi; trẻ em khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, trẻ em ở nước ngoài về nước có thể vào học lớp 1 ở độ tuổi cao hơn so với quy định nhưng không quá 3 tuổi. Trường hợp vào học lớp 1 vượt quá 3 tuổi so với quy định sẽ do trường phòng GD&ĐT quyết định.</p> <p>3. Nhà trường tuyển sinh học sinh có hộ khẩu tại phường Hạ Long.</p>				
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	<p>Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/05/2006.</p> <p>Thực hiện 35 tuần/năm học</p> <p>Thời gian thực hiện theo Quyết định số 1727/QĐ-UBND ngày 13/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Nam Định về Ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2021-2022 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên tỉnh Nam Định.</p> <p>1. Ngày tựu trường: 01/9/2021</p> <p>Riêng lớp 1 tựu trường ngày 23/8/2021</p> <p>2. Ngày khai giảng: 05/9/2021</p> <p>3. Ngày bắt đầu học kỳ 1: 06/9/2021</p> <p>4. Ngày kết thúc học kỳ 1: 08/01/2022</p> <p>5. Ngày bắt đầu học kỳ 2: 10/01/2022</p> <p>6. Ngày kết thúc học kỳ 2: 19/5/2022</p> <p>7. Ngày kết thúc năm học: trước ngày 21/5/2022</p> <p>* Thời gian kiểm tra học kỳ 1 và cuối năm thực hiện theo kế hoạch của PGD</p> <p>* Xét công nhận HTCTTH xong trước ngày 22/5/2022</p> <p>* Ngày tổng kết năm học theo lịch chung của PGD</p>				
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ	<p>1. Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình:</p> <p>-Thực hiện theo Thông tư 55/ 2011/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 22/11/2011 ban hành Điều lệ Ban Đại diện Cha mẹ học sinh.</p> <p>- Cơ sở giáo dục thường xuyên thông tin các hoạt động của trường, của ngành thông qua hệ thống bảng tin, trang web, số liên lạc của đơn vị, trao đổi trực tiếp với cha mẹ học sinh khi cần thiết</p>				

	độ học tập của học sinh	<ul style="list-style-type: none"> - Họp Cha mẹ học sinh định kỳ 3 lần/năm - Thông tin về Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đánh giá học sinh tiểu học và Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ban hành về đánh giá học sinh tiểu học (áp dụng với học sinh thực hiện CT GDPT 2018) - Gia đình thường xuyên trao đổi với giáo viên chủ nhiệm hoặc qua số liên lạc, ... <p>2. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chấp hành tốt các nội quy học sinh. - Thái độ học tập tích cực, chủ động, sáng tạo - Thực hiện tốt theo 5 điều Bác Hồ dạy. - Biết cách tự học; tự giác và có kỷ luật. - Năng động, sáng tạo; biết hợp tác và chia sẻ.
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh hoạt tập thể, sinh hoạt dưới cờ từng tuần và theo từng chủ điểm, hoạt động khởi động đầu giờ, ngoài các bài thể dục đưa thêm các bài dân vũ, võ cổ truyền và nhảy hiện đại - Tổ chức các hoạt động ngoại khoá theo yêu cầu thực tế, phù hợp cho từng lứa tuổi học sinh, tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo - Tổ chức các hoạt động của Đội, Sao Nhi đồng. - Tổ chức các Lễ phát động: tháng An toàn giao thông, theo chủ đề năm học... - Tổ chức các ngày lễ lớn trong năm: Vui Tết trung thu, ngày 20/11, Tết cổ truyền dân tộc,... - Tổ chức các hoạt động nhân đạo: mua tấm ủng hộ người mù, ủng hộ các bạn vùng khó khăn, phong trào nụ cười ngày Xuân...
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	<p>100% học sinh đều xếp loại Tốt và Đạt các mặt về năng lực và phẩm chất (không tính học sinh diện hòa nhập)</p> <p>100% học sinh được lên lớp và hoàn thành chương trình Tiểu học</p> <p>85% số học sinh được khen thưởng</p> <p>100% học sinh đảm bảo sức khỏe để tham gia học tập và các hoạt động giáo dục</p>
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	<ul style="list-style-type: none"> - Có kiến thức, kỹ năng cơ bản vững chắc. - Đủ sức để học ở lớp trên hoặc cấp học trên. - Tăng cường công tác thăm định và bàn giao chất lượng giáo dục giữa lớp dưới với lớp trên cũng như giữa tiểu học lên THCS. - Tăng cường giáo dục các kỹ năng sống cho học sinh.

TP. Nam Định, ngày 05 tháng 9 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị



HIỆU TRƯỞNG